

Biến Tần Hòa Hợp 1 Pha AUSTA

Thông số cơ bản

Kích thước(DxRxC)	540 x 420 x 236 [mm]
Trọng lượng	28.5 [Kg]
Chuẩn an toàn & EMC	EN 62109-1, EN 62109-1 EN/IEC 61000-6-1, EN/IEC 61000-6-2 EN/IEC 61000-6-3, EN/IEC 61000-6-4



Thông số kỹ thuật

	AU3KESL-G2	AU3.6KESL-G2	AU4KESL-G2	AU5KESL-G2	AU6KESL-G2	AU8KESL-G2
NGÕ VÀO PV (PV INPUT)						
Công suất đầu vào DC [W]	4500	4800	6000	7500	9000	12000
Điện áp đầu vào DC tối đa [V]	500					
Điện áp định mức đầu vào DC [V]	125					
Điện áp khởi động [V]	150-425					
Dải điện áp MPPT [V]	370					
Dòng điện đầu vào tối đa [A]	23+23	23+23	23+23	23+23	23+23	34+34
Dòng điện ngắn mạch tối đa [A]	18+18	18+18	18+18	18+18	18+18	28+28
Số lượng người theo dõi MPPT	2					
Chuỗi theo dõi MPPT	1+1	1+1	1+1	1+1	1+1	2+2
NGÕ VÀO/RA AC (AC INPUT)						
Điện áp AC đầu vào/ đầu ra [V]	3000	3600	4000	5000	6000	8000
Công suất đầu vào/ đầu ra tối đa [W]	3300	3960	4400	5500	6600	8800
Dòng điện đầu vào tối đa [A]	13.6	16.4	18.2	22.7	27.3	36.4
Dòng điện đầu ra tối đa [A]	13	15.7	17.4	21.7	26.1	34.8
Điện áp định mức [V]	220/230/240					
Tần số lưới [Hz]	50/60					
THDi	<3					
THÔNG SỐ PIN						
Loại pin	Lead-acid hoặc Lithium-ion					
Điện áp định mức [V]	40-60					
Dòng điện sạc/ xả tối đa	75	90	100	120	135	190
ĐẦU RA EPS (NGOÀI LƯỚI HOẶC DỰ PHÒNG) (CÓ PIN)						
Điện áp định mức [V]	3000	6000	4000	5000	6000	8000
Công suất biểu kiến đỉnh [VA]	6000	7200	8000	10000	12000	16000
Dòng điện liên tục tối đa[A]	13	15.7	17.4	21.7	26.1	34.8
Điện áp định mức [W]	230					
Tần số lưới danh nghĩa [Hz]	50/60					
HIỆU SUẤT						
Hiệu suất tối đa	97.9%					
Hiệu suất Châu Âu	96.5%					
THÔNG SỐ CHUNG						
Nhiệt độ hoạt động [°C]	-40+60					
Nhiệt độ lưu trữ[°C]	-40+65					
Cấp bảo vệ	IP66					
Giao tiếp người dùng	RS485/CAN/WIFI					
Phương thức làm mát	Làm mát tự nhiên					
Độ cao hoạt động [m]	<4000					